TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2022/DS-ST
Ngày: 24 - 02 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Luyến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 07/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L. Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP L:

- Ông L1, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP L. (Là người đại diện theo pháp luật) (vắng mặt)

- Ông L2, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP L Chi nhánh H. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP L) (vắng mặt)

- Ông L3, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ của Ngân hàng TMCP L Chi nhánh H - Phòng giao dịch G. Địa chỉ: tỉnh Hậu Giang. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 160/2021/UQ-L.HG ngày 21/7/2021 của Giám đốc Ngân hàng TMCP L Chi nhánh H) (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- Ông L4, chức vụ: Chuyên viên Khách hàng của Ngân hàng TMCP L Chi nhánh H - Phòng giao dịch G. Địa chỉ: tỉnh Hậu Giang. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 160/2021/UQ-L.HG ngày 21/7/2021 của Giám đốc Ngân hàng TMCP L Chi nhánh H) (vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2.2. Bà D. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP L do ông L3 là người đại diện hợp pháp trình bày:* Ngân hàng TMCP L Chi nhánh H - Phòng giao dịch G đã cấp tín dụng cho ông T và bà D theo hợp đồng tín dụng số 0101302CT013L1 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0101302CT013L1-KƯ01 cùng ngày 09/11/2016; Số tiền vay: 200.000.000đồng; Thời gian vay: 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả định kỳ hàng tháng vào ngày 25, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.333.000đồng, kỳ cuối trả 3.353.000đồng, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 25/12/2016; Kỳ hạn trả lãi: Trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc; Ngày trả nợ cuối cùng: 08/11/2021; Mục đích sử dụng tiền vay: Tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình; Lãi suất cho vay: 10,6%/năm, cố định từ ngày 09/11/2016 đến ngày 08/11/2017; Lãi suất nợ quá hạn (gốc, lãi): Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 25/5/2021. Tính đến ngày 11/7/2021, ông T và bà D còn phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là 23.351.000đồng, nợ lãi trong hạn là 544.229đồng, nợ lãi quá hạn là 57.677đồng, tổng cộng là 23.952.906đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần đến đôn đốc, nhắc nhở ông T và bà D yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay, nhưng ông T và bà D cố tình tránh mặt không thực hiện và cho đến nay vẫn chưa thanh toán hết nợ vay.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T và bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0101302CT013L1, nhận nợ ngày 09/11/2016 với tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/7/2021 bao gồm nợ gốc là 23.351.000đồng, nợ lãi trong hạn là 544.229đồng, nợ lãi quá hạn là 57.677đồng, tổng cộng là 23.952.906đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi trong hạn và các khoản lãi phạt quá hạn cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông T và bà D phải chịu lãi suất trong hạn và các khoản lãi phạt quá hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Về việc ông T đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông T và bà D được trả dần nợ với mức 1.500.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì ông L3 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không đồng ý vì theo quy định của Ngân hàng tại giai đoạn giải quyết của Tòa án thì khách hàng phải trả nợ ngay cho Ngân hàng, nếu có xem xét thì cũng chỉ cho phép khách hàng trả nợ trong thời gian chậm nhất

là 01 tháng kể từ ngày hai bên đạt được thỏa thuận. Tuy nhiên, về vấn đề trả nợ dần khách hàng và Ngân hàng có thể thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, theo văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bảng kê tính lãi gửi cho Tòa án, ông L3 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xác định tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2022 yêu cầu ông T và bà D phải trả nợ ngay cho Ngân hàng bao gồm nợ gốc là 23.351.000đồng, nợ lãi là 4.308.025đồng, tổng cộng là 27.659.025đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông T và bà D phải chịu lãi suất trong hạn và các khoản lãi phạt quá hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ. Do không có điều kiện để đến tham gia tố tụng tại Tòa án được nên ông L3 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày:* Bà D là vợ ông T, do đi làm Công ty vào giờ hành chính không xin nghỉ được nên bà D có nhờ ông T báo lại với Tòa án là xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án này, việc vay vốn do ông T trực tiếp thỏa thuận với Ngân hàng, bà D biết việc vay vốn và có ký tên vào các giấy tờ vay vốn; hiện nay bà D cũng đồng ý chịu trách nhiệm chung với ông T đối với Ngân hàng, các văn bản tố tụng Tòa án cứ gửi cho ông T nhận thay cho bà D, sau đó ông T sẽ thông báo nội dung và giao lại văn bản cho bà D.

Về vấn đề vay vốn theo trình bày của Ngân hàng trong đơn khởi kiện mà Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T và bà D là đúng sự thật. Ông T và bà D có vay vốn của Ngân hàng và cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, việc ông T và bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do khách quan, ông T bị mất đi một khoản thu nhập hàng tháng từ công việc giáo viên của mình (mất khoảng 6.000.000đồng - 7.000.000đồng trợ cấp thu hút mỗi tháng, ông T vẫn đang chờ được truy lãnh số tiền này), bà D không đi làm được một thời gian dài do tình hình dịch bệnh Covid 19 cũng như ông T và bà D còn phải chi phí nuôi 02 đứa con đi học, dẫn đến việc ông T và bà D tạm thời không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng trong những tháng vừa qua.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông T và bà D cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông T và bà D được trả dần nợ với mức 1.500.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý với đề nghị của ông T thì Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà D:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D nhưng bà D không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L3 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì ông L3 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông T và bà D trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP L theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn ông T và bà D cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L là ông L3 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Tại hợp đồng tín dụng số 0101302CT013L1 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0101302CT013L1-KƯ01 cùng ngày 09/11/2016 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP L Chi nhánh H - Phòng giao dịch G với bên vay là ông T và bà D thì ông T và bà D thỏa thuận vay của Ngân hàng số tiền vốn vay là 200.000.000đồng; thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 09/11/2016 đến ngày 08/11/2021); mục đích vay là tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình; lãi suất vay trong hạn là 10,6%/năm (áp dụng lãi suất cố định từ ngày 09/11/2016 đến ngày 08/11/2017, sau ngày 08/11/2017 áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng), lãi suất vay quá hạn (gốc, lãi) là bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn...; hợp đồng tín dụng này được các bên ký kết theo quy định của pháp luật; Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền vay 200.000.000đồng theo phương thức giao cho ông T và bà D nhận tiền mặt; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2022 thì ông T và bà D còn nợ Ngân hàng

27.659.025đồng (trong đó: Nợ gốc: 23.351.000đồng; Nợ lãi: 4.308.025đồng). Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T và bà D với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự là hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 121, 122, 123 Bộ luật Dân sự năm 2005, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 124, 402, 471 Bộ luật Dân sự năm 2005; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do ông T và bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu buộc ông T và bà D trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ và số tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng thừa nhận ông T và bà D có vay vốn của Ngân hàng và cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Từ đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông T và bà D phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay 27.659.025đồng nêu trên, là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Kể từ ngày 25/02/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ; trường hợp trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông T và bà D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao).

[6] Về việc Ngân hàng yêu cầu ông T và bà D trả ngay số tiền nợ vay 27.659.025đồng cho Ngân hàng cũng như việc ông T yêu cầu được trả dần số tiền nợ vay 27.659.025đồng cho Ngân hàng với mức 1.500.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền nợ vay này theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T và bà D phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay 27.659.025đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông T và bà D phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền nợ vay phải trả cho Ngân hàng là 27.659.025đồng x 5% = 1.382.951đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 121, 122, 123, 124, 298, 402, 405, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L về hợp đồng tín dụng.

Buộc ông T và bà D phải cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền nợ vay tổng cộng là 27.659.025đồng (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn không trăm hai mươi lăm đồng*), bao gồm: Nợ gốc là 23.351.000đồng; Nợ lãi là 4.308.025đồng.

Kể từ ngày 25/02/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần L thì lãi suất mà ông T và bà D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần L không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng Thương mại cổ phần L đã nộp (do ông L3 là người nộp thay) là 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001477, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông T và bà D phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.382.951đồng (*Một triệu ba trăm tám mươi hai nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Ông T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần L và bà D không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt